|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ SỞ SXLR, NK**  Số: ....../......... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *....., ngày......tháng.....năm.......* |

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ VIỆC DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG**

***(Từ ngày.... tháng.......năm ….. đến ngày.... tháng.......năm...…)***

Kính gửi:.......................................................................................................................................

Tên Cơ sở SXLR/NK:.......................................................................................................................

...........................................................................................................................................................

Điạ chỉ:...............................................................................................................................................

...........................................................................................................................................................

Người đại diện (Ông/Bà):..................................................................................................................

Điện thoại:..........................................................................................................................................

Fax:............................................................., Email:..........................................................................

Căn cứ quy định tại Thông tư liên tịch số .../2011/TT-BGTVT-BCT ngày .... tháng .... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Công Thương, Cơ sở SXLR/NK xin được báo cáo việc dán nhãn năng lượng cho xe như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin về kiểu loại xe** | **Kiểu loại xe** | | | |  |
| **1** | **2** | **3** | **---** |  |
| **1. Báo cáo số lượng các kiểu loại xe dán nhãn năng lượng**  *(số liệu theo chu kỳ 12 tháng)* | | | | |  |
| **Loại xe** *(Vehicle Type)* | M1 |  |  |  |  |
| **Nhãn hiệu**  *(Make/Mark)* | MAZDA 3 | MAZDA  *CX 5* | KIA *Morning* | **---** |  |
| **Số loại**  *(Model code)* |  |  |  |  |  |
| **Kiểu dáng xe**  *(Body form/style)* |  |  |  |  |  |
| **Công thức bánh xe**  *(Wheel formula)* |  |  |  |  |  |
| **Kiểu động cơ**  *(Engine model)* |  |  |  |  |  |
| **Loại động cơ**  *(Engine type)* |  |  |  |  |  |
| **Loại nhiên liệu**  *(Type of fuel)* |  |  |  |  |  |
| **Kiểu hộp số**  *(Gear box type)* |  |  |  |  |  |
| **Khối lượng bản thân**  *(Kerb mass)* |  |  |  |  |  |
| **Khối lượng toàn bộ theo thiết kế**  *(Designed total mass)* |  |  |  |  |  |
| **Số người cho phép chở, kể cả người lái** *(Seating capacity including driver)* |  |  |  |  |  |
| **Số lượng nhãn năng lượng đã dùng**  *(No. of labels used)* |  |  |  |  |  |
| **Mức TTNL kết hợp** *(combined)* |  |  |  |  |  |
| **Mức TTNL trong đô thị** *(in urban cycle)* |  |  |  |  |  |
| **Mức TTNL ngoài đô thị** *(in rural cycle)* |  |  |  |  |  |
| **Số GCN do Cơ quan QLCL cấp** |  |  |  |  |  |
| **Các thay đổi** |  |  |  |  |  |
| **Ghi chú** |  |  |  |  |  |
| **2. Báo cáo về tiêu thụ nhiên liệu trung bình chung trong 01 năm của mỗi Cơ sở SXLR và/hoặc NK:** | | | | | |
|  | **1** | **2** | **3** | **---** | **Tổng hợp** |
| Số lượng SXLR và/hoặc NK  (chiếc)  (3) |  |  |  |  | **Σ (3)** |
| Mức TTNL được chứng nhận theo chu trình tổ hợp  (*l/100 km*)  (4) |  |  |  |  |  |
| Tổng  TTNL  (*l/100 km*)  (5)  (5) = (3) X (4) |  |  |  |  | **Σ (5)** |
| TTNL trung bình chung (*l/100 km*)  (6) |  |  |  |  | **Σ (5)/ Σ (3)** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập bảng báo cáo**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* | **Cơ sở …………………..**  *(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)* |